TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **215**/2019/DS-ST
Ngày: 24/4/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch dân sự về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Kim Định**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Nguyễn Ngọc Thủy**

2. Ông **Võ Hoàng Thu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu –** Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 436/2018/TLST-DS ngày 02/8/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch dân sự về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-DS ngày 04/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-DS ngày 29/3/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn X**, sinh năm: 1952.
Địa chỉ:, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Ông **Lê Ngọc T**, sinh năm: 1972.

2/ Bà **Lê Thị Thanh Tr**, sinh năm: 1980.
Cùng địa chỉ:, xã X, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông X có mặt tại phiên tòa; bà Tr và ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - nguyên đơn ông Trần Văn X trình bày:

Vào ngày 07/9/2017, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr có vay của ông số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng) có lập hợp đồng vay và không có thỏa thuận lãi. Ngày 07/9/2017, bà Lê Thị Thanh Tr có vay tiếp của ông số tiền 15.000.000 đ (mười lăm triệu đồng), có lập hợp đồng vay và không thỏa thuận lãi. Ngày 07/5/2018, bà Lê Thị Thanh Tr có vay tiếp của ông số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng).

Ngày 25/02/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi tháng 5.000.000 đ (năm triệu đồng) do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 38.200.000 đ (ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), ông T và bà Tr đã đóng hụi được 12.500.000 đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) rồi ngưng không đóng nữa, ông T và bà Tr còn thiếu ông tiền hụi là 25.700.000 đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 02/3/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng) do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 15.500.000 đ (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), đã đóng được 5.500.000 đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng), ông T và bà Tr còn thiếu ông 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

Ngày 25/3/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 37.500.000 đ (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng ông T và bà Tr chưa đóng cho ông đồng nào tiền hụi. Như vậy, số tiền ông T và bà Tr đã vay của ông là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng) và nợ tiền hụi là 73.200.000 đ (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Đã nhiều lần ông yêu cầu ông T và bà Tr trả lại cho ông số tiền nợ vay và nợ hụi trên nhưng ông T và bà Tr vẫn chưa thanh toán cho ông. Việc cho vay tiền và số tiền chơi hụi là tiền cá nhân của ông, không phải là tiền chung của vợ chồng ông nên không liên quan gì đến vợ của ông.

Nay ông yêu cầu ông T và bà Tr cùng có trách nhiệm trả cho ông số tiền nợ vay là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ hụi là 73.200.000 đ (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng là 128.200.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông T và bà Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Văn X khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch dân sự về hụi đối với bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr, ông T và bà Tr có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự được thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[5] Thời hiệu khởi kiện: Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự được xác định là 03 năm kể từ ngày quyền và lợi ích bị xâm phạm theo quy định tại Điều 429, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015 nên việc khởi kiện là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[6] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr vẫn không có mặt cũng như

không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo trình tự luật định và ông Lê Ngọc T, bà Lê Thị Thanh Tr phải chịu hậu quả về việc không phản đối và không chứng minh của ông T và bà Tr.

[7] Về nội dung: Ngày 07/9/2017, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr có vay của ông Trần Văn X số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng vay, không có thỏa thuận lãi và không ghi thời hạn vay.

Ngày 07/9/2017, bà Lê Thị Thanh Tr có vay của ông X số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng vay, không có thỏa thuận lãi và không ghi thời hạn vay.

Ngày 07/5/2018 bà Lê Thị Thanh Tr có vay tiếp của ông X số tiền 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng vay, không có thỏa thuận lãi và không ghi thời hạn vay.

Ngày 25/02/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi tháng 5.000.000 đ (năm triệu đồng) do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 38.200.000 đ (ba mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng), ông T và bà Tr đã đóng hụi được 12.500.000 đ (mười hai triệu năm trăm nghìn đồng) rồi ngưng không đóng nữa, ông T và bà Tr còn thiếu ông tiền hụi là 25.700.000 đ (hai mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Ngày 02/3/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi tháng 2.000.000 đ (hai triệu đồng) do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 15.500.000 đ (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), đã đóng được 5.500.000 đ (năm triệu năm trăm nghìn đồng), ông T và bà Tr còn thiếu ông 10.000.000 đ (mười triệu đồng).

Ngày 25/3/2018, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr tham gia 01 dây hụi 5.000.000 đồng do ông làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi được 37.500.000 đ (ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng ông T và bà Tr chưa đóng cho ông đồng nào tiền hụi. Tất cả những giao dịch nêu trên, hai bên đều có lập giấy tờ và có chữ ký giữa các bên.

Như vậy, số tiền ông T và bà Tr đã vay của ông X là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ hụi là 73.200.000 đ (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

[8] Thực hiện hợp đồng vay, bên ông X đã giao đủ tiền cho ông T và bà Tr để tiêu dùng nhưng sau đó nhiều lần ông X yêu cầu ông T và bà Tr trả nợ vay thì ông T và bà Tr né tránh không trả. Trong giao dịch về hụi, bên ông T và bà Tr

có tham gia chơi hụi tháng do ông X làm đầu thảo, ông T và bà Tr đã hốt hụi nhưng không đóng, đã nhiều lần ông X yêu cầu ông T và bà Tr trả tiền nợ hụi cho ông X nhưng ông T và bà Tr vẫn không trả.

[9] Những sự kiện này, phía bị đơn không phản đối và không chứng minh nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh và không phản đối này. Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào các giấy mượn tiền và giao dịch về hụi được lập giữa các bên có cơ sở xác định việc giao dịch giữa các bên là có thật và hợp pháp. Do đó, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản còn nợ cho ông X tổng số tiền nợ vay là 55.000.000 đ (năm mươi lăm triệu đồng) và tiền nợ hụi là 73.200.000 đ (bảy mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), tổng cộng là 128.200.000 đồng (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng).

[10] Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông X cho biết trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà Tr có trả cho ông được 5.000.000 đ (năm triệu đồng), số tiền này được trừ vào số tiền nợ 128.200.000 đ (một trăm hai mươi tám triệu hai trăm nghìn đồng). Như vậy, ông T và bà Tr còn nợ ông X số tiền 123.200.000 đ (một trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng). Do đó, ông X yêu cầu ông T và bà Tr cùng có trách nhiệm trả cho ông X số tiền nợ trên trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, hạn chót thực hiện là ngày 24/4/2020, không yêu cầu tính lãi.

[11] Căn cứ Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "Hợp đồng vay là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay, khi đến hạn, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định"

[12] Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định "bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn". Ông X nhiều lần yêu cầu ông T và bà Tr trả số tiền trên nhưng ông T và bà Tr không trả là vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

[13] Đối chiếu quy định như trên, ông Trần Văn X yêu cầu ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ gốc là 123.200.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi là có cơ sở chấp nhận.

[14] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh

Tr cùng có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn X số tiền nợ gốc là 123.200.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi, trả trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, hạn chót thực hiện là ngày 24/4/2020.

[15] Để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người được thi hành án sau khi bản án có hiệu lực pháp luật thì người phải thi hành án phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[16] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.160.000 đ (sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 469, Điều 471 và Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn X đối với bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản và giao dịch dân sự về hụi.

Buộc bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr cùng có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Trần Văn X tổng số tiền nợ gốc là 123.200.000 đồng (một trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng), trả trong thời hạn 12 (mười hai) tháng, hạn chót thực hiện là ngày 24/4/2020.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Trần Văn X có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thanh Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.160.000 đ (sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng); nguyên đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Kim Định